TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH** Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST Ngày 21-5-2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hồng Châu.

2. Bà Lưu Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Thảo Vy là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 486/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Ngọc M, sinh năm 1973; nơi cư trú: khu phố X, Phường Y, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Q, sinh năm 1977; nơi cư trú: khu phố X, Phường Y, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2023, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q chung sống có đăng ký kết hôn ngày 27/6/2005 tại Uỷ ban nhân dân xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Q nói bị thiếu nợ bên ngoài nên không đưa tiền cho chị chi tiêu trong gia đình, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng ly thân từ tháng 12/2023 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: có 01 con chung là Trần Thị Kim Q1, sinh ngày 08/8/2006. Chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: vợ chồng chị không có nợ chung.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Trần Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M chung sống có đăng ký kết hôn ngày 27/6/2005 tại Uỷ ban nhân dân xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn, chỉ vì anh không đồng ý cho anh vợ là Võ Huỳnh Công Pháp sống chung và đuổi ra khỏi nhà cuối tháng 12 năm 2023 nên chị M kiếm chuyện cãi vả và làm đơn xin ly hôn. Do mâu thuẫn giữa anh và chị M không có gì trầm trọng, có giải pháp khắc phục nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung là Trần Thị Kim Q1, sinh ngày 08/8/2006. Do anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không có ý kiến về con chung.

Về tài sản: có 01 phần đất ngang 5m x dài 27m trên đất có căn nhà tường cấp 4 do chị M đứng tên. Nếu giải quyết ly hôn thì chia hai tài sản theo quy định của pháp luật.

Nợ chung: vợ chồng anh không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị M và anh Q được ly hôn.

+ Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Kim Q1, sinh ngày 08/8/2006 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận chị M không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con chung.

+ Về tài sản: Ghi nhận chị M và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

+ Nợ chung: Ghi nhận chị M và anh Q trình bày không có.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị M là nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Q là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Q, yêu cầu giải quyết về con chung; anh Q cư trú tại thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Chị M và anh Q chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 27/6/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh) nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Q hợp pháp.

[3.2] Qua lời trình bày của chị M và anh Q thấy rằng: Quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn**,** chủ yếu là do có sự bất hòa trong đời sống vợ chồng, không có sự đồng nhất về cách nghĩ cũng như về lối sống, sinh hoạt, từ

đó thiếu sự tin tưởng và không thông cảm, chia sẻ với nhau làm cho tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng và không giải quyết được.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, chị M vẫn cương quyết ly hôn, anh Q không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng được chị M chấp nhận. Như vậy, có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, cho chị M và anh Q ly hôn.

[4] Về con chung: Chị M và anh Q có 01 con chung là Trần Thị Kim Q1, sinh ngày 08/8/2006. Con chung có nguyện vọng sống với mẹ sau ly hôn; chị M yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu xin được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là nguyện vọng chính đáng của cha mẹ nhưng khi giao con cho người trực tiếp nuôi phải căn cứ vào nguyện vọng của con chung nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, do đó giao con chung là Trần Thị Kim Q1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; ghi nhận chị M không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con chung.

[5] Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn; anh Q có trình bày nếu giải quyết ly hôn thì chia hai tài sản theo quy định của pháp luật nhưng anh Q không gửi đơn khởi kiện chia tài sản để Tòa án xem xét thụ lý yêu cầu nên Tòa án không giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị M là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Ngọc M đối với anh Trần Q.

Chị Võ Thị Ngọc M được ly hôn với anh Trần Q.

2. Về con chung:

Chị Võ Thị Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một con chung là Trần Thị Kim Q1, sinh ngày 08/8/2006. Ghi nhận chị Võ Thị Ngọc M không yêu cầu anh Trần Q cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn, anh Trần Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

Chị Võ Thị Ngọc M và anh Trần Q không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí:

Chị Võ Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002246 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị Võ Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND thành phố Tây Ninh;*
- *Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;*
- *Đương sự;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;

- Lưu.

Lâm Thị Thanh Hằng